



TRAO ĐỔI VỀ GIÁO DỤC HOA KỲ

Chủ đề: *Hệ thống Giáo dục Hoa Kỳ*

Ông Trần Đức Cảnh, Chuyên gia Giáo dục ĐH Hoa Kỳ

Đại Học Vinh

29-3-2019

ĐẶC ĐIỂM CỦA GIÁO DỤC ĐH HOA KỲ

Đa dạng - tự chủ - cạnh tranh - tiếp cận bình đẳng - quy mô đào tạo

- Chính quyền liên bang có ít vai trò trong giáo dục đại học công, trách nhiệm giáo dục nằm ở cấp Bang.
- Tổ chức xã hội đóng vai trò kiểm định và công nhận chất lượng trường, khoa ngành.
- Đại học tư: Phi lợi nhuận (non-profit) và lợi nhuận (for profit). Họ hoạt động độc lập.
- Các chương trình đào tạo gắn liền với nhu cầu của thị trường và xã hội.
- Học suốt đời (life long learning).

TÍNH ĐA DẠNG TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC HOA KỲ

- Có 6.500 trường đào tạo sau bậc trung học: 1.100 Trường đào tạo nghề cấp chứng chỉ; 1.530 trường Cao Đẳng; 2.870 trường Đại Học.
- Từ Đại học tinh hoa (Elite) đến trường 4 năm bình thường, Cao đẳng, trường Nghề nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trên tổng thể của nền kinh tế và xã hội, hay từng phân khúc.
- Liên thông trong toàn bộ hệ thống Cao đẳng, Đại học.
- Điều kiện nhận vào các trường rất thực tiễn.
- Học chương trình online hay online kết hợp với chương trình chính quy.

Tính Tự Chủ Trong Giáo Dục Mỹ

- Hệ thống Cao đẳng và Đại học công do chính quyền bang quản lý. Mỗi bang có cơ chế quản lý khác nhau.
- Thống Đốc bang bổ nhiệm thành viên Hội đồng Giáo dục Đại học cấp bang và cấp trường, nhiệm kỳ thường ít nhất là 4 năm và dài nhất là 12 năm. Cũng có trường hợp cần phải có sự phê chuẩn của Quốc Hội bang.
- Hội đồng cấp bang làm chính sách và quản lý cấp bang, và Hội đồng Trường quản lý cấp trường.
- Hội đồng trường thuê Hiệu trưởng điều hành trường. Trường công gần như hoạt động độc lập và không có các tác động từ chính quyền
- Trường tư Phi lợi nhuận và lợi nhuận hoạt động độc lập, không chịu ảnh hưởng của chính quyền trên mọi mặt. Hội đồng Quản trị trường toàn quyền quyết định công việc và hoạt động của trường.

TÍNH CẠNH TRANH TRONG GD ĐH MỸ

- Giáo dục đại học Mỹ không thể thoát ra khỏi sự vận hành và tác động của thị trường.
- Thương hiệu, uy tín, chất lượng ảnh hưởng trực tiếp đến việc tuyển sinh và hoạt động tài chính của trường.
- Đại học Harvard chỉ nhận 4.9% số đơn (chất lượng cao) nộp, cũng có trường nhận 80%, có trường không đủ số sinh viên ngành học, hay trường .. buộc phải đóng cửa.
- Đại học Mỹ luôn năng động, sáng tạo, lập chiến lược và kế hoạch phát triển để tồn tại và giữ/tìm lợi thế cạnh tranh cho mình.
- Ngay cả các đại học công, tuy có nguồn hỗ trợ cũng phải tự thân vận động nguồn tài chính để phát triển.

TIẾP CẬN BÌNH ĐẲNG TRONG GD ĐH MỸ

- Thời gian đầu giáo dục ĐH Mỹ ảnh hưởng Anh Quốc (mô hình giảng dạy) và Đức (nghiên cứu), đồng thời tiếp thu triết lý phương Tây qua nhiều giai đoạn. Xây dựng và hình thành nên GD Mỹ ngày nay đã gần 400 năm.
- Chuyển từ giáo dục tinh hoa, sang giáo dục mở rộng, gần như đến mọi thành phần trong xã hội (màu da, chủng tộc, tôn giáo, giới tính, điều kiện kinh tế và cả cho người khuyết tật).
- Chính sách phát triển kinh tế-xã hội xây dựng trên cơ sở: tạo điều kiện (cơ hội) cho mọi người trong xã hội tham gia và tận dụng năng lực của họ để phát triển. Giáo dục là nền tảng cốt lõi để phát huy sự bình đẳng trong xã hội.

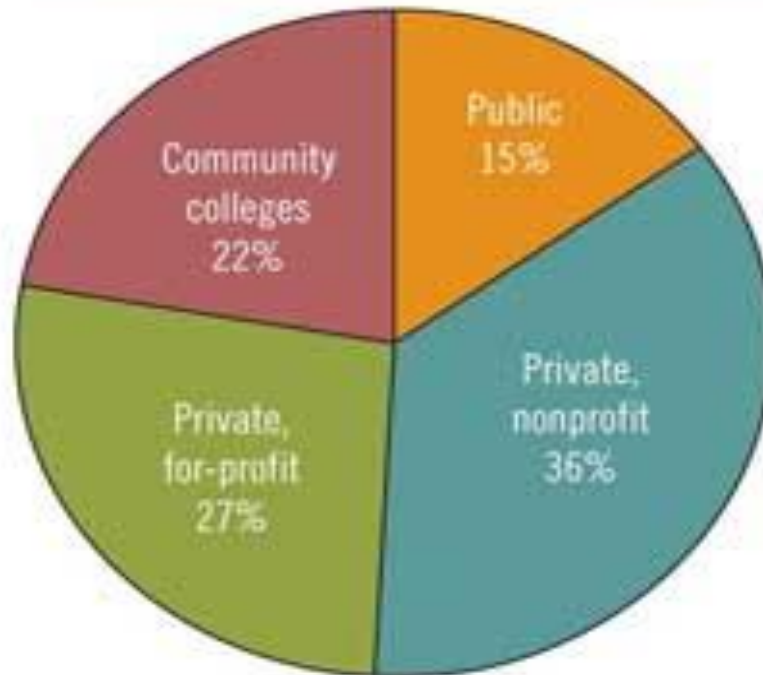
QUY MÔ ĐÀO TẠO CĐ/ĐH MỸ

Số lượng trường CĐ/ĐH Mỹ: 4.400

ĐH 4 năm: 2.870 CĐ 2 năm: 1.530



Postsecondary education defined



THỐNG KÊ GD & ĐT Ở MỸ NĂM 2018



Dân số nước Mỹ năm 2018 là 328 triệu dân, trình độ học vấn tính từ độ tuổi 25 trở lên.

Trình độ

Tỷ lệ %

- | | |
|--|--------|
| • Tốt nghiệp trung học Trở lên | 88.15% |
| • Có học đại học + | 58.33% |
| • Tốt nghiệp Cao đẳng và/hay Cử nhân + | 43.50% |
| • Cử nhân + | 33.66% |
| • Thạc sĩ và trình độ tương đương | 9.50% |
| • Tiến sĩ và và trình độ tương đương | 3.35% |



TỔNG QUAN VỀ NƯỚC MỸ

Dân số: 328 triệu dân (2018)

Sinh tại Mỹ: 86.9%

Nhập cư: 13.1%

Da trắng - 66%

Da đen - 11.5%

Gốc Latinh - 14%

Á Châu - 6.9%

- GDP 2018: 20.000 tỷ USD
- GDP đầu người: 61.000 USD/năm
- Ngân sách quốc gia: 4,300 tỷ USD năm 2018
- Nợ công: 103%

Địa lý

- Diện tích: 9,833,517 km²
- Mật độ dân số: 35.42 người/km²

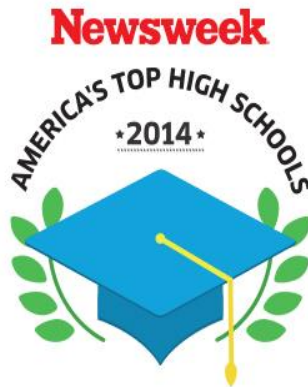
20 TRƯỜNG TRUNG HỌC TỬ HÀNG ĐẦU



1. Phillips Exeter Academy, NH
2. Ransom Everglades School, FL
3. The College Preparatory School, CA
4. Horace Mann School, NY
5. Castilleja School, CA
6. Trinity School NY
7. The Hotchkiss School, CN
8. San Francisco University High School, CA
9. Lakeside School, WA
10. Dalton School, NY
11. Milton Academy, MA
12. The Lawrenceville School, NJ
13. Oregon Episcopal School, OR
14. Sidwell Friends School, Washington D.C.
15. Deerfield Academy, MA
16. Harvard-Westlake School, CA
17. The Harker School, CA
18. Southwestern Academy, CA
19. Lick-Wilmerding High School CA
20. St. Paul's School, NH



10 TRƯỜNG TRUNG HỌC CÔNG TỐT NHẤT NƯỚC MỸ



1. Thomas Jefferson High – VA
2. Union County Magnet High School – NJ
3. Northside College Preparatory HS, IL
4. Gretchen Whitney High, CA
5. International Academy, MI
6. Staten Island Technical High School – NY
7. Washtenaw Technical Middle College, MI
8. Lasa High School – TX
9. Blind Brook High School, NY
10. Charter School Of Wilmington, DE

TỔNG QUAN HỆ THỐNG ĐẠI HỌC MỸ



Năm 2018, tổng số sinh viên: 19.9 triệu

- Học toàn thời gian: 12.1 triệu (60.8%)

- Học bán thời gian: 7.8 triệu (39.2%)

- Sinh viên trường công: 15 triệu (75.3%)

- Sinh viên trường tư: 4.9 triệu (24.7%)

Cao đẳng: 6.7 triệu SV

ĐH: 13.3 triệu SV

Tốt nghiệp CĐ/ĐH năm 2018:

1.000.000 Cao đẳng; 1.900.000 Cử nhân;

780.000 Thạc sĩ; 182.000 Tiến Sĩ hay tương đương.

TỔNG QUAN HỆ THỐNG ĐẠI HỌC MỸ (2)

SV Nữ 11.2 triệu (56.3%) vs. SV Nam 8.7 triệu (43.7%)

Lương trung bình sau khi tốt nghiệp - 2016

Th.S: 64.200 USD/năm

Cử Nhân: 50.000 USD

Trung học: 31.800 USD

Học phí trung bình niên học 2016-2017

Trường công: 6.817 USD

Trường tư phi lợi nhuận: 32.556 USD

Trường tư lợi nhuận: 14.419 USD

20 ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀNG ĐẦU

1. Princeton University, NJ
2. Harvard University, MA
3. Yale University, CN
4. Columbia University, NY
4. Stanford University, CA
4. University of Chicago, Il
7. Massachusetts of Technology, MA
8. Duke University, SC
8. University of Pennsylvania, PA
10. California Institute of technology, CA
11. Darmouth College, NH
12. John Hopkins University, MD
13. Northwestern University, Il
14. Washington University of Saint Louis, MO
15. Cornell University, NY
16. Brown University, RI
16. Notre Dame, IN
16. Vanderbilt University, TN
19. Rice University, TX
20. UC Berkeley, CA



21 TRƯỜNG ĐH 4 NĂM HÀNG ĐẦU

1. William College, MA
2. Amherst College, MA
3. Swarthmore College, PA
4. Wellesley College, MA
5. Bowdoin College, ME
6. Ponomo College, CA
7. Middlebury College, NH
8. Carleton College, MN
8. Claremont McKenna College, CA
8. Haverford College, PA



11. Davison College, NC
12. Vassar College, NY
13. US Naval Academy, MD
14. Washington and Lee Uni, VA
15. Colby College, ME
15. Hamilton College, NY
15. Harvey Mudd College, CA
18. Wesleyan University, CT
19. Bates College, ME
19. Grinnel College, IA
19. Smith College, MA



DU HỌC SINH TẠI MỸ

Niên học 2016-17, có khoảng 1.500 ngàn du học sinh, sinh viên tại Mỹ, dẫn đầu là Trung Quốc với 481.205; Ấn Độ 249.763.

- Du học sinh đã đóng góp vào nền kinh tế Mỹ ước tính 30 tỷ USD/năm.
- Du học sinh góp phần không nhỏ vào các ngành học, đặc biệt là STEM, Y, Nghiên cứu sáng tạo...
- Năm 2017-18, Việt Nam đứng hàng thứ 5 với 31.000 HS/SV và đang tăng nhanh, nhưng số lớn tập trung vào các trường đại học cộng đồng (2-năm), hay các đại học cấp trung bình trở xuống.

THANK YOU



TRẦN ĐỨC CẢNH

- ❖ Ông Cảnh có 44 năm sống, học tập và làm việc tại Mỹ. Ông có 16 năm kinh qua các chức vụ do Thống Đốc Bang Massachusetts bổ nhiệm như Giám Đốc Đào tạo và Phát triển Nguồn Nhân lực; Di trú; và An sinh Xã hội của Bang.
- ❖ Thành viên của Hội đồng Liên trường Đại học vùng Đông Bắc.
- ❖ 10 năm làm tư vấn tuyển sinh cho đại học Harvard.
- ❖ Nhiều năm hỗ trợ cho chương trình Fulbright, VEF và các chương trình giáo dục và đào tạo Việt-Mỹ.
- ❖ Thủ Tướng bổ nhiệm vào Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển Nguồn Nhân lực nhiệm kỳ (2016-2021).
- ❖ Tốt nghiệp Thạc sĩ Chính trị - Kinh tế trường hành chính công John F. Kennedy, đại học Harvard. NCS tại đại học Northeastern ngành kinh tế lao động, và Brandeis ngành chính sách xã hội.